

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng Công ty Giấy Việt Nam : Luận văn ThS. Kinh doanh và quản lý: 60 34 05 / Hoàng Thế Đông ; Nghd. : TS. Nguyễn Thị Phi Nga

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là yếu tố cơ bản không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời là yếu tố rất quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Trong thời kỳ bao cấp, với cơ chế quản lý tập trung bao cấp Nhà nước cung cấp các yếu tố đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra và chịu trách nhiệm bù lỗ khi doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả. Do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp diễn ra hết sức trì trệ, bị động nên việc huy động và sử dụng vốn của các doanh nghiệp thường không hiệu quả. Chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước các doanh nghiệp phải tự kinh doanh, hạch toán lỗ lãi do đó một trong những yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp là phải nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh mà hiệu quả đó phụ thuộc rất lớn vào việc quản lý và sử dụng vốn. Vì vậy phân tích, đánh

giá và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là công tác không thể thiếu trong hoạt động quản lý tài chính của doanh nghiệp

Công ty Giấy Tissue Sông Đuống là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất giấy tissue cuộn lớn, tissue thành phẩm và gỗ dán chịu nước phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang các nước châu á, châu Âu và châu Mỹ. Thị trường tiêu thụ của Công ty ngày càng rộng lớn nhưng cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt bởi sản phẩm của các công ty sản xuất kinh doanh giấy, gỗ khác trong và ngoài nước. Thực tế trên đặt ra yêu cầu cho doanh nghiệp là phải quản lý và sử dụng vốn Nhà nước giao sao cho có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận góp phần tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Nhận thức được vấn đề đó tôi đã lựa chọn đề tài: " Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam" làm đề tài luận văn tốt nghiệp. Hy vọng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý sử dụng vốn tại công ty.

2. Tình hình nghiên cứu

Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp ở nước ta là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản trị tài chính doanh nghiệp đã được nhiều tác giả đề cập và nghiên cứu, có thể kể đến như sau:

1- Nguyễn Ngọc Định - Luận án PTS khoa học kinh tế - Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở Việt Nam.

2- Trương Thị Hà - Luận án TS kinh tế - Khai thác các nguồn vốn và biện pháp quản lý sử dụng vốn trong các doanh nghiệp vận tải hàng hoá đường bộ ngành Giao thông vận tải, 2002

3- Trần Văn Hồng - Luận án TS kinh tế - Đổi mới cơ chế quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước, 2002

4- Ngô Thị Năm - Luận án TS kinh tế - Giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội, 2002

Mặc dù các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở các doanh nghiệp đã được nghiên cứu khá nhiều dưới các khía cạnh khác nhau và tại các doanh nghiệp khác nhau song vấn đề: “ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam ” cho đến nay chưa có ai nghiên cứu và cũng là nội dung chính mà luận văn đề cập tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu:

Phân tích thực trạng sử dụng vốn từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

+ Làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở khoa học về quản lý sử dụng vốn và tiêu chí hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

+ Phân tích thực trạng quản lý và sử dụng vốn của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống qua đó rút ra những ưu điểm và nhược điểm cần khắc phục.

+ Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu thực trạng quản lý vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Nghiên cứu tình hình quản lý sử dụng vốn trong khoảng thời gian từ năm 2004 – 2008

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng các phương pháp sau để nghiên cứu:

- Phương pháp thực chứng so sánh
- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp diễn dịch và quy nạp

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn

- Về lý luận:

+ Góp phần hệ thống hoá lý luận cơ bản về hiệu quả sử dụng vốn cấp doanh nghiệp.

+ Góp phần hệ thống hoá các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.

- Về thực tiễn:

+ Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình quản lý, sử dụng vốn của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống trong những năm gần đây, phát hiện những tồn tại và chỉ ra nguyên nhân của tồn tại đó.

+ Đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống trong điều kiện hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng quản lý sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam trong những năm 2004 - 2008.

Chương 3: Các giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 .Vốn

1.1.1. Khái niệm vốn

Vốn là giá trị toàn bộ tài sản doanh nghiệp dùng để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.

1.1.2. Đặc trưng của vốn

- Vốn đại diện cho một lượng giá trị tài sản có nghĩa là vốn phải đại diện cho một lượng giá trị thực của tài sản hữu hình và vô hình.
- Vốn phải được vận động nhằm mục đích sinh lời.

- Vốn phải được tích tụ và tập trung đến một lượng nhất định nào đó mới có thể phát huy tác dụng.

- Vốn có giá trị về mặt thời gian.

- Vốn luôn gắn với chủ sở hữu nhất định.

- Vốn là một loại hàng hoá đặc biệt được mua bán trên thị trường dưới hình thức mua bán quyền sử dụng vốn.

1.1.3. Vai trò của vốn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Vốn là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự ra đời và tồn tại của doanh nghiệp.

- Quy mô vốn của doanh nghiệp nhiều hay ít sẽ quyết định quy mô tài sản, ảnh hưởng rất lớn đến trình độ trang bị kỹ thuật và công nghệ, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, quy mô thị trường và khả năng thâm nhập, mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

- Vốn là yếu tố quyết định đến việc đáp ứng các yêu cầu nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất kinh doanh, quyết định khả năng đổi mới trang thiết bị, quy trình công nghệ, phương pháp quản lý trong doanh nghiệp.

- Quy mô vốn là một trong những tiêu thức quan trọng để phân biệt quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ.

1.1.4. Phân loại vốn kinh doanh

1.1.4.1. Phân loại vốn theo đặc điểm luân chuyển của vốn

a/ Vốn cố định

Vốn cố định của doanh nghiệp là bộ phận vốn đầu tư ứng trước về tài sản cố định mà đặc điểm của nó là luân chuyển dần từng phần trong nhiều

chu kỳ sản xuất kinh doanh và hoàn thành một vòng tuần hoàn khi tài sản cố định hết thời gian sử dụng.

Vốn cố định là bộ phận vốn quan trọng trong toàn bộ vốn của doanh nghiệp. Quy mô của vốn cố định nhiều hay ít sẽ quyết định quy mô của tài sản cố định, ảnh hưởng rất lớn đến trình độ trang bị kỹ thuật và công nghệ, năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

b/ Vốn lưu động

Vốn lưu động của doanh nghiệp là số vốn tiền tệ ứng trước để đầu tư, mua sắm các tài sản lưu động của doanh nghiệp.

1.1.4.2. Phân loại nguồn vốn theo hình thức sở hữu

- Vốn chủ sở hữu: Là số vốn thuộc sở hữu của chủ doanh nghiệp.
- Các khoản nợ phải trả bao gồm các khoản vay (vay ngắn hạn, vay dài hạn); các khoản phải thanh toán cho công nhân viên, các khoản phải trả nhà cung cấp, các khoản phải trả, phải nộp khác.

1.1.4.3. Phân loại nguồn vốn theo phạm vi huy động vốn

- Nguồn vốn bên trong doanh nghiệp: Bao gồm lợi nhuận để lại nhằm tăng thêm vốn phát triển sản xuất kinh doanh và tiền khấu hao tài sản cố định
- Nguồn vốn bên ngoài doanh nghiệp: Là nguồn vốn doanh nghiệp có thể huy động từ bên ngoài để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4.4. Phân loại nguồn vốn theo thời gian huy động

- Nguồn vốn thường xuyên (nguồn vốn dài hạn): Bao gồm vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn.
- Nguồn vốn tạm thời: Là nguồn vốn có tính chất ngắn hạn (dưới 1 năm) bao gồm tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại, các khoản nợ tích

lũy (nợ tiền lương và bảo hiểm xã hội đối với người lao động, các khoản nợ phí, thuế đối với ngân sách, các khoản tiền đặt cọc của khách hàng ...).

1.2. Hiệu quả sử dụng vốn

1.2.1. Khái niệm

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ quản lý sử dụng vốn của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được lợi ích tối đa hoặc tối thiểu hoá số vốn và thời gian sử dụng vốn trong điều kiện nguồn lực xác định phù hợp với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ là điều kiện trực tiếp trong việc tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ là điều kiện để doanh nghiệp tham gia vào quá trình cạnh tranh trên thị trường.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp cho doanh nghiệp đạt được mục tiêu gia tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu và các mục tiêu khác của doanh nghiệp như nâng cao uy tín của công ty trên thương trường.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp

1.2.3.1. Những nhân tố khách quan

- Trạng thái phát triển kinh tế

Khi nền kinh tế ổn định và tăng trưởng sẽ làm tăng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn sẽ tốt. Ngược lại khi nền kinh tế có những biến động có khả năng gây ra những rủi ro trong

kinh doanh hay khi nền kinh tế suy thoái thì thất nghiệp, khủng hoảng, phá sản xảy ra, khi đó doanh nghiệp khó có điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh và do đó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

- Cơ chế quản lý và các chính sách kinh tế của nhà nước

Sự thay đổi trong cơ chế quản lý và chính sách của nhà nước đều trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng vốn nói riêng của doanh nghiệp.

Một số chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn như :

- + Chính sách lãi suất:
- + Chính sách tỷ giá.
- + Chính sách thuế.

- Sức mua của thị trường.

- Thị trường tài chính

- Mức độ lạm phát

- Rủi ro bất thường trong kinh doanh

1.2.3.2. Những nhân tố chủ quan

- Xác định nhu cầu vốn và sử dụng vốn kinh doanh
- Yếu tố chi phí
- Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành sản xuất kinh doanh
- Lựa chọn phương án đầu tư
- Năng lực quản lý của doanh nghiệp

1.2.4. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

1.2.4.1. Các chỉ tiêu tổng hợp

- Hiệu suất sử dụng vốn (Vòng quay toàn bộ vốn):
- Tỷ suất sinh lời của tài sản (Mức doanh lợi trước thuế và lãi vay của tổng vốn kinh doanh)

- Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh

- Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

1.2.4.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định

- Hiệu suất sử dụng TSCĐ

- Hiệu suất sử dụng vốn cố định

- Hàm lượng vốn cố định

- Tỷ suất lợi nhuận vốn cố định

1.2.4.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động

- Số vòng quay vốn lưu động

- Kỳ luân chuyển vốn lưu động

- Hiệu suất sử dụng vốn lưu động

- Hàm lượng vốn lưu động (mức đảm nhận vốn lưu động)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

- Khả năng thanh toán nhanh

- Vòng quay các khoản phải thu

- Kỳ thu tiền trung bình

- Tỷ suất lợi nhuận (mức doanh lợi) vốn lưu động

- Sản xuất các sản phẩm giấy vớ cung cấp cho thị trường trong nước

- Sản xuất giấy Tissue cuộn lớn cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến giấy thành phẩm trong nước và xuất khẩu sang các nước như: Úc, Canada, Mỹ, Hàn Quốc

- Sản xuất giấy ăn, khăn ăn, giấy vệ sinh mang thương hiệu Watersilk

- Sản xuất gỗ dán chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghiệp, xây dựng và dân dụng

** Mục tiêu kinh doanh*

Mục tiêu kinh doanh của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống là trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm giấy và gỗ dán chất lượng hàng đầu Việt Nam. Không ngừng củng cố và phát triển thương hiệu Watersilk, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.1.3. Bộ máy tổ chức của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

2.1.3.3. Mối quan hệ giữa các bộ phận

2.1.4. Đặc điểm về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

2.1.4.1. Sản phẩm của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

Sản phẩm chính của công ty là giấy vớ tập, giấy tissue cuộn lớn, giấy tissue thành phẩm và gỗ dán cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu sang các nước trên thế giới.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN Ở CÔNG TY GIẤY TISSUE

SÔNG ĐUỐNG TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam

2.1.1. Lịch sử trình hình thành và phát triển của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

Ngày 01/7/2005 Tổng công ty Giấy Việt Nam thành lập Công ty giấy Tissue Sông Đuống trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam trên cơ sở Nhà máy Gỗ Cầu Đuống.

2.1.2. Lĩnh vực và mục tiêu kinh doanh của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

** Lĩnh vực kinh doanh*

2.1.4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm từ 2004 đến 2008

Bảng 2.1: Tình hình sản xuất kinh doanh giai đoạn 2004 - 2008

Đơn vị tính: 1000đ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Sản lượng tiêu thụ					
2	Gỗ dán (m ³)	1.420	1.440	1.405	1.414	1.440
3	Giấy Tissue (tấn)	8.100	8.150	8.200	8.250	8.550
4	Doanh thu	128.750.800	132.680.200	136.760.700	138.270.000	141.788.500
5	Doanh thu xuất khẩu	38.600.750	39.804.000	747.866.900	48.394.500	64.719.400
6	Tổng chi phí sản xuất	127.670.900	131.270.500	134.790.200	137.851.500	158.240.750
7	Lợi nhuận trước thuế	1.079.900	1.409.700	1.970.500	418.500	3.557.750
8	Lợi nhuận sau thuế	734.332	958.596	1.339.940	300.600	2.561.580
9	Tổng giá trị tài sản	141.122.345	163.321.305	223.109.077	285.314.786	323.800.342
10	Số lao động bình quân (người)	325	330	335	388	405
11	Tổng quỹ lương	5.070.000	5.385.600	5.427.000	5.475.600	5.980.800

2.2. Thực trạng quản lý sử dụng vốn ở Công ty

2.2.1. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty

Bảng 2.2:

Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

Năm 2004		Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%
141.122.345	100	163.321.305	100	223.109.077	100	285.314.786	100
57.865.491	41	63.786.542	39	95.213.645	42,7	114.548.962	40
83.256.854	59	99.534.763	61	127.895.432	57,3	170.765.824	59

Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)

Về tổng nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn kinh doanh của công ty trong giai đoạn từ 2004 đến 2008 đã tăng với tốc độ tương đối cao.

Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn so với khoản nợ phải trả trong tổng nguồn vốn, nhưng tốc độ tăng nguồn vốn chủ sở hữu là khá cao.

+ Các khoản nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của công ty và có tốc độ tăng khá cao.

2.2.2. Cơ cấu tài sản của Công ty

Bảng 2.3:

Cơ cấu tài sản của công ty giấy tissue sông đuống giai đoạn 2004-2008										Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Chỉ tiêu	Năm 2004		Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	1. Tổng tài sản (nghìn đồng)	128.750.800	132.680.200	136.760.700	138.270.000
	Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%	Giá trị (ng.đ)	%						
Tổng tài sản	141.122.345	100	163.321.305	100	223.109.077	100	285.314.786	100	323.800.342	100				
Tài sản ngắn hạn	43.216.891	30,6	55.764.238	34,1	61.007.452	27	73.967.534	26	79.874.651	24,7	127.670.900	131.270.500	134.790.200	137.851.500
Tài sản dài hạn	97.905.454	69,4	107.557.067	65,9	162.101.625	73	211.347.252	74	243.925.691	75,3	734.332	958.596	1.339.940	300.600
(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)										2. Tổng chi phí sản xuất (nghìn đồng)				
+ Về tổng tài sản: Tài sản của công ty trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2008 tăng tương đối cao.										3. Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)				
+ Về tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng tài sản nhưng qua 5 năm tài sản ngắn hạn cũng có sự tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước song không ổn định.										4. Tổng nguồn vốn (nghìn đồng)	141.122.345	163.321.305	223.109.077	285.314.786
+ Về tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty và có tốc độ tăng trưởng cao.										5. Nguồn vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	57.865.491	63.786.542	95.213.645	114.548.962
2.2.3. Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn ở công ty qua hệ thống chỉ tiêu:										6. Nợ phải trả (nghìn đồng)	83.256.854	99.534.763	127.895.432	170.765.824
2.2.3.1. Hiệu quả sử dụng vốn chung										7. Tỷ suất tự tài trợ (%)	41 %	39 %	42,7 %	40,1 %
Bảng 2.4:										8. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,69 lần	1,64 lần	1,74 lần	1,67 lần
Hiệu quả sử dụng vốn của công ty giấy tissue sông đuống giai đoạn 2004-2008										9. Hệ số nợ (%)	59	61	57,3	59,9
										10. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	0,57	0,72	0,98	0,22
										11. Hiệu suất sử dụng vốn	0,912	0,812	0,613	0,485

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)

Nhận xét:

- Tỷ suất tự tài trợ:

Trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2008 tỷ suất này chưa đến 50% và tương đối ổn định qua các năm, điều đó chứng tỏ khả năng độc lập của doanh nghiệp đối với các chủ nợ chưa cao, phần lớn vốn kinh doanh phải đi huy động từ bên ngoài.

Bảng trên cho thấy hệ số khả năng thanh toán tổng quát của doanh nghiệp là rất tốt, điều đó chứng tỏ tất cả các khoản huy động từ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo. Cụ thể năm 2004 doanh nghiệp đi vay 1 đồng thì có 1,69 đồng tài sản đảm bảo, đến năm 2008 hệ số này cao hơn năm 2004 và đạt 1,73 lần nghĩa là doanh nghiệp đi vay 1 đồng thì có 1,73 đồng tài sản đảm bảo.

- Hệ số nợ:

Năm 2004 cứ 1 đồng vốn doanh nghiệp đang sử dụng thì có 0,59 đồng vốn vay nợ, năm 2005 là 0,61 đồng, năm 2006 là 0,573 đồng, năm 2007 là 0,599 đồng và năm 2008 là 0,576 đồng. Như vậy hệ số nợ của doanh nghiệp tương đối ổn định qua các năm hay nói cách khác tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp được duy trì ổn định.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu:

Số liệu ở bảng trên cho thấy năm 2004 trong 1 đồng doanh thu thực hiện có 0,0057 đồng lợi nhuận sau thuế, năm 2005 thì 1 đồng doanh thu thực hiện có 0,0072 đồng lợi nhuận sau thuế, năm 2006 là 0,0098 đồng, năm 2007 là 0,0022 đồng thấp nhất trong các năm và đến năm 2008 cứ 1 đồng doanh thu thực hiện có 0,0158 đồng lợi nhuận sau thuế gấp hơn 7 lần so với năm 2007, là năm có tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu tăng đột biến và cao nhất trong giai đoạn 2004 – 2008.

- Hiệu suất sử dụng vốn:

Trong giai đoạn 2004 - 2008 vốn kinh doanh của công ty đã có sự tăng trưởng tốc độ cao, doanh thu thuần cũng tăng lên, nhưng hiệu suất sử dụng vốn chưa cao: năm 2004 cứ 1 đồng vốn kinh doanh bình quân sử dụng tạo ra 0,912 đồng doanh thu thuần, cao nhất trong các năm; năm 2005 là 0,812 đồng, năm 2006 là 0,613 đồng, năm 2007 là 0,485 đồng, năm 2008

là 0,499 đồng. Như vậy các năm từ 2005 đến năm 2008 chỉ tiêu này đều giảm.

2.2.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định

Bảng 2.5:

**Tình hình tài sản cố định của công ty Giấy Tissue Sông Đuống
giai đoạn 2004 – 2008**

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1. Tổng tài sản (nghìn đồng)	141.122.345	163.321.305	223.109.077	285.314.786	323.109.077
2. Nguyên giá TSCĐ (nghìn đồng)	87.432.651	99.133.647	121.603.732	182.314.205	201.109.077
3. Khấu hao lũy kế TSCĐ (nghìn đồng)	38.768.603	47.854.042	59.763.259	76.357.614	92.109.077
4. Giá trị còn lại của TSCĐ (nghìn đồng)	48.664.048	51.279.605	61.840.473	105.956.591	109.000.000
5. Tỷ suất đầu tư vào TSCĐ (%)	34,48 %	31,39 %	27,72 %	37,14 %	34,00 %
6. Hệ số hao mòn TSCĐ (%)	44,34 %	48,27 %	49,15 %	41,88 %	43,65 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)

- Tỷ suất đầu tư vào tài sản cố định.

Trong giai đoạn từ 2004 đến năm 2008 giá trị TSCĐ của công ty tăng đáng kể với mức tăng trung bình hàng năm khoảng trên 20 %. Tỷ suất đầu tư vào TSCĐ ở mức độ ổn định, chỉ tiêu này cao nhất

vào năm 2004 là 34,48 % nghĩa là trong 1 đồng giá trị tài sản có 0,3448 đồng được đầu tư vào TSCĐ.

- Hệ số hao mòn TSCĐ

Hệ số hao mòn TSCĐ của công ty trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2008 bình quân là 45,862 % và có sự thay đổi qua các năm. Năm 2007 hệ số hao mòn tài sản cố định ở mức thấp nhất là 41,88 % là do công ty đã đầu tư rất lớn vào TSCĐ làm cho giá trị TSCĐ tăng lên, vốn cố định tăng lên, hệ số hao mòn TSCĐ giảm đi.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định có thể xem xét các chỉ tiêu trong bảng sau:

Bảng 2.6:

Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty Giấy Tissue

Sông Đuống giai đoạn 2004 - 2008

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1. Vốn cố định bình quân (nghìn đồng)	52.748.607	68.201.315	84.243.631	117.435.629	129.548.612
2. Doanh thu thuần (nghìn đồng)	128.750.800	132.680.200	136.760.700	138.270.000	161.798.500
3. Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	734.332	958.596	1.339.940	300.600	2.561.580
3. Hiệu suất sử dụng vốn cố định	2,44	1,95	1,62	1.18	1,25
4. Hàm lượng vốn cố					

định	0,409	0,513	0,617	0,847	
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn cố định (%)	1,39 %	1,40 %	1,59 %	0,256 %	

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)

- **Hiệu suất sử dụng vốn cố định.**

Trong giai đoạn 2004 -2008 hiệu suất sử dụng vốn cố định năm 2007 là thấp nhất chỉ đạt 1,18 là do vốn cố định bình quân năm 2007 tăng nhanh so với năm 2006 trong khi đó doanh thu thuần năm 2007 so với năm 2006 tăng không đáng kể.

- **Hàm lượng vốn cố định**

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn cố định**

2.2.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Bảng 2.7:

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty Giấy Tissue

Sông Đuống giai đoạn 2004 - 2008

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	
1. Doanh thu thuần (nghìn đồng)	128.750.800	132.680.200	136.760.700	138.270.000	161.798.500
2. Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	734.332	958.596	1.339.940	300.600	2.561.580
3. Vốn lưu động bình quân (nghìn đồng)	72.315.624	87.163.078	108.219.653	132.724.536	151.111.111
4. Số vòng quay vốn lưu động	1,78	1,52	1,26	1,04	1,25

5. Kỳ luân chuyển vốn lưu động (ngày)	202	236	285	346	354
6. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động	1,78	1,52	1,26	1,04	1,02
7. Hàm lượng vốn lưu động	0,56	0,66	0,79	0,96	0,98
8. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn lưu động	0,01	0,011	0,012	0,0023	0,016

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống từ năm 2004 đến năm 2008)

- Số vòng quay vốn lưu động:
- Kỳ luân chuyển vốn lưu động:
- Hiệu suất sử dụng vốn lưu động:

2.2.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của

Công ty

2.2.4.1. Nhóm nhân tố khách quan

- Thứ nhất, cơ chế điều hành và quản lý của Nhà nước
- Thứ hai, sự cạnh tranh của sản phẩm ngành giấy trên thị trường

2.2.4.2. Nhóm nhân tố chủ quan

Một là, khả năng tổ chức sản xuất

Hai là, yếu tố con người

Ba là, khả năng tài chính của doanh nghiệp

Bốn là, khả năng quản lý chi phí sản xuất

2.3. Đánh giá chung về hiệu quả sử dụng vốn của Công ty

2.3.1. Những kết quả đạt được

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

+ Công tác quản lý các khoản nợ phải thu:

+ Công tác đầu tư, đổi mới trang thiết bị sản xuất, quản lý tài sản cố định:

+ Công tác quản lý chi phí:

+ Chế độ chính sách của Nhà nước:

+ Thị trường và sự cạnh tranh trên thị trường:

+ Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật - công nghệ:

+ Yếu tố mùa vụ sản xuất và tiêu thụ:

+ Các yếu tố khách quan khác:

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN Ở CÔNG TY GIẤY TISSUE SÔNG ĐUỐNG - TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

3.1. Phương hướng phát triển trong thời gian tới và dự đoán nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty Giấy tissue Sông Đuống

3.1.1. Phương hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới

Trong giai đoạn 2010 - 2020 Công ty Giấy Tissue Sông Đuống phấn đấu trở thành nhà sản xuất và cung cấp giấy tissue cuộn lớn, tissue thành phẩm và gỗ dán hàng đầu Việt Nam. Công ty thực hiện đa dạng hoá sản phẩm, hình thành cơ cấu sản phẩm hợp lý, đẩy mạnh đầu tư nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, nâng cao hàm lượng trí tuệ trong cơ cấu sản phẩm.

3.1.2. Dự đoán nhu cầu vốn của Công ty

Trong giai đoạn 2008 – 2010 và các năm tiếp theo nhu cầu vốn kinh doanh của công ty rất cấp thiết, dự báo nhu cầu này tăng bình quân chung khoảng 25%.

3.2. Những giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở Công ty Giấy tissue Sông Đuống - Tổng công ty Giấy Việt Nam

3.2.1. Giải pháp đối với Công ty

3.2.1.1. Xác định đúng nhu cầu vốn của công ty từ đó có giải pháp huy động vốn thích hợp nhằm giảm chi phí sử dụng vốn

- Huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Huy động vốn từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính
- Huy động nguồn vốn tín dụng thương mại
- Huy động vốn thông qua thuê tài chính
- Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong công ty

3.2.1.2. Định hướng quản lý sử dụng vốn

3.2.1.3. Hoàn thiện chương trình Marketing

3.2.1.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định

3.2.1.5. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động

3.2.1.6. Đổi mới phương thức điều hành quản lý sản xuất kinh doanh, tăng cường khả năng kiểm soát các nguồn lực tài chính, hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ.

3.2.1.7. Đẩy nhanh công tác cổ phần hoá

3.2.1.8. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ trong Công ty

3.2.2. Một số kiến nghị đối với Nhà nước

3.2.2.1. Nhà nước cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận và mở rộng nguồn vốn.

3.2.2.2. Cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp hoạt động

3.2.2.3. Phát triển thị trường tài chính

KẾT LUẬN

Đất nước ta đang trên con đường công nghiệp hoá - hiện đại hoá, gia nhập vào nền kinh tế thế giới, phát triển và hội nhập vào quá trình phân công lao động quốc tế. Quá trình này có thành công hay không và thành công ở mức độ nào sẽ phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Do đó, tìm kiếm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, mà đầu tiên là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, một trong những vấn đề quan trọng, cần thiết và bức xúc nhất hiện nay của các doanh nghiệp Việt Nam.

Nhận thức được điều đó, cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động trong nền kinh tế thị trường, Công ty Giấy Tissue Sông Đuống đã cố gắng rất nhiều trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, trên cơ sở đó, tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa

cao, chưa thoả mãn được mục tiêu đề ra. Do đó để đạt được mục tiêu này trong thời gian tới đòi hỏi công ty cần phải cố gắng hơn nữa không những trong công tác nghiệp vụ mà còn cần phải xây dựng và hoàn thiện kế hoạch kinh doanh đặc biệt là kế hoạch huy động và sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả. Để thực hiện được các giải pháp mà luận văn nêu ra cần có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó cần các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế, chính sách cải cách hành chính trong nhiều lĩnh vực của Nhà nước.

Luận văn “Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống - Tổng Công ty Giấy Việt Nam” là kết quả của một quá trình nghiên cứu và vận dụng lý luận vào tìm hiểu và phân tích thực trạng quản lý, sử dụng vốn ở Công ty Giấy Tissue Sông Đuống.

Những giải pháp mà luận văn nêu ra hy vọng sẽ có ích và được áp dụng linh hoạt vào thực tiễn trong công tác quản lý tài chính tại đơn vị.